TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2020
***V/v:* " Xin ly hôn, nuôi con ".**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Nguyễn Thanh Bình
2/Ông Đồng Phước Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 3 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2020/TLST-HN ngày 4 tháng 3 năm 2020 về việc "xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HN ngày 4/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST – HNGĐ ngày 18/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975 (có mặt)

ĐKHKTT: Ấp P T, phường Đ P nay là phường T P, quận C R, thành phố Cần Thơ.

Tạm trú: Tổ 3, Khóm T K, thị trấn T Q, Bình Tân, Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có mặt)

Cư trú: Tổ 3, Khóm T K, thị trấn T Q, B T, Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng)

Địa chỉ: khóm T Q, thị trấn T Q, huyện B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 3/3/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T H trình bày: Vào năm 1994, chị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau, hôn nhân do mai mối, có tìm hiểu trước và gia đình có tổ chức lễ cưới. Nữ trang ngày cưới gồm 1 đôi bông hoa tai 1 chỉ vàng và 1 sợi dây chuyền 2 chỉ vàng. Số nữ trang này vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Vợ chồng không đăng ký kết.

Sau khi cưới, vợ chồng chị H và anh T sống bên chồng tại ấp T K, xã T Đ, huyện B T, Vĩnh Long. Vợ chồng sống rất hạnh phúc và sinh được 3 đứa con tên Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, hiện các cháu đang sống với anh T.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ khi về sống chung vợ chồng lúc đầu sống rất hạnh phúc. Nhưng khoảng đầu năm 2019, anh T mỗi khi uống rượu về hay chữi nắng chị H, anh T nói chị H ở được thì ở, nếu không thì ly hôn, vợ chồng phát sinh nâu thuẩn, hay cải vả với nhau đến mức trầm trọng và kể từ năm 2019 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: chị H xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, chị H yêu cầu giải quyết để anh T được quyền nuôi dưỡng con chung, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên hòa giải ngày 4/5/2020 chị H thống nhất giao cho anh T 20.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng chính sách huyện Bình Tân.

* Tại phiên hòa giải ngày 4/5/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Qua lời trình bày về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng.

Về mâu thuẩn gia đình thì không đúng. Anh T cho rằng chị H ngoại tình với người khác, anh Tâm chưa bắt gặp mà chỉ người hàng xóm nói. Nay vợ xin ly hôn anh Tâm không đồng ý. Anh yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Nếu Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H thì anh T đồng ý. Cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ngân hàng chính sách huyện Bình T: nợ gốc là 35.000.0000 đồng và lãi. Chị H đưa cho anh T số tiền 20.000.000 đồng anh T đồng ý. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B T, tỉnh Vĩnh long xin vắng mặt và không có yêu cầu giải quyết trong cùng một vụ án.

* Tại phiên tòa:

- Chị H trình bày: Từ khi về sống chung cùng chồng lúc đầu rất hạnh phúc. Nhưng khoảng đầu năm 2019, anh T mỗi khi uống rượu về hay chữi nắng chị H, anh T nói chị H ở được thì ở, nếu không thì ly hôn, vợ chồng phát sinh nâu thuẩn, hay cải vả với nhau đến mức trầm trọng và kể từ năm 2019 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: chị H xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, chị H yêu cầu giải quyết để anh T được quyền nuôi dưỡng con chung, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H thống nhất giao cho anh T 20.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng chính sách huyện B T.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Qua lời trình bày về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng. Nay vợ xin ly hôn tôi không đồng ý. Anh T yêu cầu đoàn tụ.

Nếu Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H thì cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ngân hàng chính sách huyện Bình Tân: nợ gốc là 35.000.0000 đồng và lãi. Chị H đưa cho anh T 20.000.000 đồng, phần nợ còn lại anh T trả. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "nuôi con, chia tài sản của Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật" được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B T xin vắng mặt. Do đó áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1994, chị Nguyễn Thị T H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau, không đăng ký kết hôn. Chị H cho rằng từ khi về sống chung cùng chồng lúc đầu rất hạnh phúc. Nhưng khoảng đầu năm 2019, anh T mỗi khi uống rượu về hay chữi nắng chị H, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, hay cải vả với nhau đến mức trầm trọng và kể từ năm 2019 vợ chồng ly thân nhau

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Xét thấy chị H và anh T đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh và chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh T và chị H đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T H và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau có sinh được 3 con chung: cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, hiện cháu Q A và cháu k A hiện đang sống với anh T, chị H yêu cầu giải quyết để anh T được quyền nuôi dưỡng con chung, phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu muốn ở với anh T, để ổn định việc ăn, ở và học tập của các cháu. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, không trái quy định của pháp luật. Do đó áp dụng Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H.

Chị Nguyễn Thị T H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

[5] Về quan hệ tài sản: chị Nguyễn Thị T H và anh Nguyễn Văn T không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ: Anh Nguyễn Văn T cho rằng vợ chồng có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Tân 35.000.000 đồng. Anh T yêu cầu chị H phải trả phân nữa số nợ này. Tại phiên tòa hôm nay chị H đồng ý giao 20.000.000 đồng cho anh T để trả nợ ngân hàng chính sách huyện B T. Áp dụng Điều, 16, 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H giao cho anh T 20.000.000 đồng trả nợ ngân hàng chính sách huyện B T là hoàn tất. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Tân, số tiền vay 35.000.000 đồng và lãi đến khi trả hết nợ vay.

[7] Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T xin vắng mặt và không có yêu cầu giải quyết trong cùng một vụ án. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị T H nộp 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011364 ngày 3/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

- Chị Nguyễn Thị T H nộp 1.000.000 đồng, án phí dân sự về nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 14, 15, 16, 27, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2] Về con chung:

- Cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 10/12/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xet.

- Anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi con chung cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 20/8/2005, đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

[3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H giao cho anh T 20.000.000 đồng trả nợ ngân hàng chính sách huyện B T, là hoàn tất. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Tân số tiền vay 35.000.000 đồng và lãi đến khi trả hết nợ vay.

[5] Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T xin vắng mặt và không có yêu cầu giải quyết trong cùng một vụ án. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị T H nộp 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011364 ngày 3/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

- Chị Nguyễn Thị T H nộp 1.000.000 đồng, án phí dân sự tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[8] Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T H, bị đơn anh Nguyễn Văn T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBNDTT Tân Quới,
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.